

CÁC TÀI KHOẢN KHÔNG CÒN SỬ DỤNG THEO THÔNG TƯ 200

- Tài khoản 001 - Tài sản thuê ngoài
- Tài khoản 002 - Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công
- Tài khoản 003 - Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
- Tài khoản 004 - Nợ khó đòi đã xử lý
- Tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại
- Tài khoản 008 - Dự toán chi sự nghiệp, dự án.
- Tài khoản 129 - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.
- Tài khoản 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.
- Tài khoản 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn
- Tài khoản 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn.
- Tài khoản 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Tài khoản 223 - Đầu tư vào công ty liên kết
- Tài khoản 311 - Vay ngắn hạn
- Tài khoản 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả.
- Tài khoản 342 - Nợ dài hạn
- Tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm
- Tài khoản 415 - Quỹ dự phòng tài chính
- Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ
- Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán.

Chuyển đổi số dư tài khoản theo thông tư 200/TT-BTC

Thông tư 200/2014/TT-BTC có gì mới so với Quyết định 15 và thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày và áp dụng cho việc lập và trình bày BCTC từ năm 2015 trở đi;

Để giúp cho đội ngũ kế toán tại các doanh nghiệp cũng như đội ngũ kế toán và kiểm toán viên hành nghề nắm bắt kịp thời tinh thần các nội dung mới của Chế độ kế toán doanh nghiệp, tổ chức thực hiện tốt ngay từ đầu năm 2015.

Doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số dư các tài khoản sau:

- Số dư chi tiết về vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đang phản ánh trên TK 1113 và 1123 được chuyển đổi như sau:

+ Giá trị vàng (loại không được coi là vàng tiền tệ), bạc, kim khí quý, đá quý được sử dụng là hàng tồn kho được chuyển sang phản ánh trên các tài khoản có liên quan về hàng tồn kho, như: TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu hoặc TK 156 – Hàng hóa theo nguyên tắc phù hợp với mục đích sử dụng và phân loại tại doanh nghiệp;

+ Giá trị vàng (loại không được coi là vàng tiền tệ), bạc, kim khí quý, đá quý không được sử dụng là hàng tồn kho được chuyển sang phản ánh trên TK 2288 – Đầu tư khác;

- Số dư các khoản trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu năm giữ đến ngày đáo hạn, không năm giữ vì mục đích kinh doanh (mua vào để bán ra với mục đích kiếm lời qua chênh lệch giá mua, bán) đang phản ánh trên TK 1212 đầu tư chứng khoán ngắn hạn được chuyển sang TK 128 – Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn (chi tiết cho từng TK cấp 2);

- Số dư các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn đang phản ánh trên **TK 228 – Đầu tư dài hạn khác được chuyển sang TK 128 – Đầu tư** năm giữ đến ngày đáo hạn (chi tiết cho từng TK cấp 2);

- Giá trị của hàng hóa bất động sản do doanh nghiệp xây dựng, sản xuất, đang theo dõi trên **TK 1567 – Hàng hóa bất động sản được chuyển sang theo dõi trên tài khoản 1557** – Thành phẩm bất động sản. TK 1567 chỉ phản ánh những bất động sản do doanh nghiệp mua vào để bán ra như những loại hàng hóa khác.

- **Số dư TK 142 – Chi phí trả trước ngắn hạn được chuyển sang TK 242 – Chi phí trả trước;**

- **Số dư TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn được chuyển sang TK 244 – Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược;**

- Số dư các khoản dự phòng đang phản ánh trên các **TK 129, 139, 159 được chuyển sang TK 229** – Dự phòng tổn thất tài sản (chi tiết cho từng TK cấp 2 phù hợp với nội dung dự phòng);
- Giá trị bất động sản do doanh nghiệp đầu tư, xây dựng (không phải mua vào để bán ra như hàng hóa) đang phản ánh là hàng hóa bất động sản trên **TK 1567 được chuyển sang tài khoản 1557** – Thành phẩm bất động sản;
- Số dư các khoản đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên **TK 223 được chuyển sang TK 222** – Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

- **Số dư TK 311 – Nợ ngắn hạn, TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả, TK 342 – Nợ dài hạn chuyển sang TK 341** – Vay và nợ thuê tài chính;
- Khoản trích trước chi phí sửa chữa, duy trì cho TSCĐ hoạt động bình thường (đối với những TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải sửa chữa định kỳ), chi phí hoàn nguyên môi trường, hoàn trả